

TIẾT 98, 99
KIỂM TRA GIỮA KÌ II

1. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức Mức độ nhận thức	Nhận biết TL		Thông hiểu TL		Vận dụng TL		Vận dụng cao TL		Tổng		% tổng điểm	
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)		
1	Phân số	1.1. Phân số, rút gọn phân số	1* (1,0đ)	5							0 – 1	0 – 5	0 – 10	
		1.2. Các phép tính về phân số	1 (1,5đ)	8	1 (1,0đ)	10					2	18	25	
		1.3. Các bài toán thực tế về phân số			1** (1,0đ)	9	1*** (2,0đ)	20				0 – 2	0 – 29	0 – 30
		1.4. Bài toán nâng cao							1 (1,0đ)	20	1	20	10	
2	Số thập phân	2.1. Số thập phân	1* (1,0đ)	5							0 – 1	0 – 5	0 – 10	
		2.2. Tính toán với số thập phân	1 (1,5đ)	8	1 (1,0đ)	10					2	18	25	
		2.3. Làm tròn và ước lượng. Các bài toán thực tế về tỉ số và tỉ số phần trăm			1** (1,0đ)	9	1*** (2,0đ)	20				0 – 2	0 – 29	0 – 30
Tổng			3 (4,đ)	21	3 (3,0đ)	29	1 (2,0đ)	20	1 (1,0đ)	20	8 (10đ)	90		
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10				100	
Tỉ lệ chung (%)			100										100	

Lưu ý : Trong nội dung kiến thức: (1*): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.1 hoặc 2.1 (mức độ nhận biết).
(1**): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.3 hoặc 2.3 (mức độ thông hiểu).
(1***): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.3 hoặc 2.3 (mức độ vận dụng).

2. Bảng đặc tả kĩ thuật ra đề kiểm tra

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số	1.1. Phân số, rút gọn phân số	Nhận biết: Học sinh rút gọn được phân số về dạng tối giản. Nhận biết được hai phân số bằng nhau. (Câu 1a*)	1* (1,0đ)			
		1.2. Các phép tính về phân số	Nhận biết: Học sinh thực hiện được phép tính cộng, trừ đơn giản về phân số. (Câu 1b, c) Thông hiểu: Học sinh áp dụng các tính chất giao hoán, kết hợp và tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng để tính nhanh, tính hợp lí. (Câu 2a)	1 (1,5đ)	1 (1,0đ)		
		1.3. Các bài toán thực tế về phân số	Thông hiểu: Sử dụng các kiến thức đã học về giá trị phân số của một số cho trước để giải bài toán thực tế. (Câu 3*) Vận dụng: Vận dụng các kiến thức đã học về tìm giá trị phân số của một số cho trước và tìm một số biết giá trị phân số của nó để giải bài toán thực tế. (Câu 4*)		1** (1,0đ)	1*** (2,0đ)	
		1.4. Bài toán nâng cao	Vận dụng cao: Vận dụng các kiến thức về phân số để giải bài toán về tổng của dãy phân số viết theo quy luật. (Câu 5)				1 (1,0đ)
2	Số thập phân	2.1. Số thập phân	Nhận biết: Học sinh viết được các phân số thập phân dưới dạng số thập phân. (Câu 1a*)	1* (1,0đ)			
		2.2. Tính toán với số thập phân.	Nhận biết: Học sinh thực hiện được phép tính đơn giản về cộng, trừ hai số thập phân. (Câu 1d, e) Thông hiểu: Học sinh áp dụng các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng để tính nhanh, tính hợp lí. (Câu 2b)	1 (1,5đ)	1 (1,0đ)		
		2.3. Làm tròn và ước lượng. Các bài toán thực tế về tỉ số và tỉ số phần trăm	Thông hiểu: Tính tỉ số của hai số trong bài toán cụ thể. (Câu 3*) Vận dụng: Vận dụng quy tắc tìm một số biết giá trị phân số của nó để giải quyết bài toán thực tế. (Câu 4*)		1** (1,0đ)	1*** (2,0đ)	
Tổng				3 (4,0đ)	3 (3,0đ)	1 (2,0đ)	1 (1,0đ)